

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+P9+TD1	7:25	4+1+14	0+0+0		0+0+18	0+0+0	Chuyen 3 P8-TD1
2		VSP01+RP2+CTC1+RC4	7:25	16+3+0	0+0+0		0+0+3+3	0+0+0	
3		CTK3+P3+CLO	9:25	9+12	0+0		8+1+12	0+0	NGUOI NHA XNXL P3 MAT

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2021	TO: P8 - P9 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - Mạnh - QTrưởng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THU	P8					66	D-HANH	Vietnamese
2	CHU MINH HUNG	P8	51	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
3	VO THANH TUNG	P8	50	1	3		72	NIPI	Vietnamese
4	PHAN VAN THINH	P8	49	1	5		73	NIPI	Vietnamese
5	DO VAN HOANG	P9	54	1	10	20	73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HA	P9	52	1	15		71	XLAP	Vietnamese
7	NGO DUC THUAN	P9	53	1	15	100	65	XLAP	Vietnamese
8	UVAISHOV A.X	TD1	34	1	5		105	KHOAN	Russian
9	KOROTKOV V.A	TD1	37	1	10		115	KHOAN	Russian
10	HOANG VAN MINH	TD1	35	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DANH QUY	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
12	MAI VAN HOI	TD1					73	KHOAN	Vietnamese
13	VU DUC TOAN	TD1	39	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM TRUONG ANH	TD1	45	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN DUY	TD1	41	1	4	50	63	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN HOAN	TD1	42	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG THANG	TD1					55	KHOAN	Vietnamese
18	BUI VAN NINH	TD1	38	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN QUY	TD1	43-44	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
20	ĐANG CONG THINH	TD1	40	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
21	LE QUANG DAO	TD1	36	1	15		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

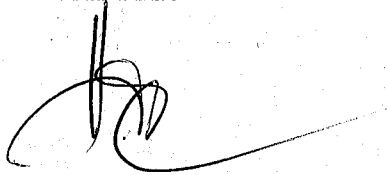
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	4	3	11	291	0	0		CHUYEN 3 PAX P9->TD1
2	P9	3	3	40	209	120	0		
3	TD1	14	12	86	1.098	50	18		
TOTAL		21	18	137	1.598	170	18		
WEIGHT KG				137	1.598	170			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: VSP01 - RP2 - CTC1 - RC4	CREW: Hạnh - N.Anh - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HUNG	VSP01	95-96	2	15		64	BASON	Vietnamese
2	DOAN QUANG KHANH	VSP01	299-300	2	15		57	BASON	Vietnamese
3	PHAN HUY THANG	VSP01	98	1	7		68	BASON	Vietnamese
4	PHAN VAN DANG	VSP01	97	1	7		55	BASON	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THANH	VSP01	99-500	2	15		50	BASON	Vietnamese
6	PHAN DUNG TIEN	VSP01	91	1	10		76	BASON	Vietnamese
7	LE VAN CHINH	VSP01	93-94	2	15		59	BASON	Vietnamese
8	HOANG NGOC THAI	VSP01	92	1	12		52	BASON	Vietnamese
9	TRAN VAN PHUONG	VSP01	297-298	2	15		61	BASON	Vietnamese
10	LE VAN LAM	VSP01	36-37	2	9		52	TRUONG	Vietnamese
11	THACH HOANG HAN	VSP01	32	1	15		69	TRUONG	Vietnamese
12	TRAN TRI	VSP01	35	1	7	26	56	TRUONG	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THONG	VSP01	39	1	12	5	57	TRUONG	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TUYEN	VSP01	34	1	8	50	63	TRUONG	Vietnamese
15	TRAN HOANG KHANH	VSP01	33	1	8	55	71	TRUONG	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC SON	VSP01	38	1	6	25	72	TRUONG	Vietnamese
17	TRAN NGOC CHINH	RP2	87	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN DUC NHAN	RP2	90	1	6	40	63	NIPi	Vietnamese
19	TRAN QUANG MINH	RP2	88-89	2	10		67	NIPi	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	16	22	176	982	161	0		THAO 1 GHE DOI CHO HANG
2	RP2	3	4	27	203	40	0		
3	CTC1	0	0	0	0	0	3		
4	RC4	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	26	203	1.185	201	6		
WEIGHT KG				203	1.185	201			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - P3 - CLO	CREW: Vận - Mạnh - QTrưởng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TUNG	CTK3	83-84	2	20	30	72	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU THE ANH	CTK3	82	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG THANH HOANG	CTK3					74	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN BINH LONG	CTK3	85-86	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGUYEN	CTK3	80-81	2	14		74	NIPI	Vietnamese
6	PHAN THANH BINH	CTK3	87	1	12	64	66	TRUONG	Vietnamese
7	MAI TRUNG DUONG	CTK3	88	1	7		68	TRUONG	Vietnamese
8	NGUYEN HUU TRUNG	CTK3	90	1	12		57	TRUONG	Vietnamese
9	PHAN THANH MY	CTK3	89	1	12		70	TRUONG	Vietnamese
10	DATSKO PAVEL	CLO	72	1	10	70	110	KHOAN	Russian
11	DO NGOC HOAN	CLO	68-69	2	10	50	90	KHOAN	Vietnamese
12	LUONG NGOC KIUONG	CLO	75	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN TRUNG THANH	CLO	66	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LOC	CLO	67	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
15	VU NGOC LUAN	CLO	71	1	4		88	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN HUU SON	CLO	70	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
17	CHU DUC AI	CLO	65	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
18	NG. CHIEN THANG*PK-PVD	CLO	64	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
19	DO THANH LIEM	CLO	73	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM VAN TAM	CLO	74	1	3	45	60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	9	11	100	639	94	8		Thao 1 ghế đờ cho hàng
2	P3	0	0	0	0	0	1		
3	CLO	11	12	71	849	165	11		
TOTAL		20	23	171	1.488	259	20		
WEIGHT KG				171	1.488	259			

GRAND TOAL: 1.918 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

L/D VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1.		TD2	7:25	18	0		16	0	
2		TD1+P10+P8	7:25	0+18+0	0+0+0		0+15+4	0+0+0	chuyen 3 TD1-P10
3		BK9+CTK3+MRM	9:25	9+7+4	0+0+0		0+0+20	0+0+0	hang ve MRM-140 kg
4		TD2	11:15	16	0		10	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: TD2	CREW: HLONG - MMinh	ETA: 10:45
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUẤN ANH	TD2	32	1	7	20	72	DUNG QU.	Vietnamese
2	TRẦN HOÀNG NHI	TD2	31	1	10		80	DUNG QU.	Vietnamese
3	DUYÊN PHU QUYNH	TD2	27	1	7		55	DUNG QU.	Vietnamese
4	PHAN VĂN BÌNH	TD2	42	1	7		50	DUNG QU.	Vietnamese
5	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	40	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ MẠNH THẮNG	TD2	29	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC DUNG	TD2	34	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ ANH QUÂN	TD2	25	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN HÙNG	TD2	26	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ THẾ HÙNG	TD2	35	1	13		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUANG HUNG	TD2	41	1	12	34	76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH ANH	TD2	39	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGO VĂN HUY	TD2	28	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	NG. QUỐC ĐOÀN*PK-PVD	TD2	37-38	2	12		55	KHOAN	Vietnamese
15	NGO QUANG HUNG	TD2	46	1	10	5	78	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM THANH GIANG	TD2	33	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ XUÂN TRƯỞNG	TD2	30	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
18	BUI THAI QUI	TD2	36	1	8		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	19	129	1.262	59	16		
TOTAL		18	19	129	1.262	59	16		
WEIGHT KG				129	1.262	59			

GRAND TOAL: 1.450 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2021	TO: TD1 - P10 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hoi - VLinh - Luy	ETA: 09:20
xanh-1			

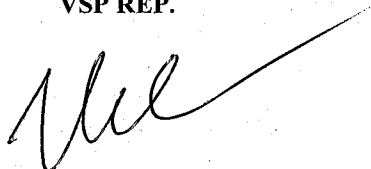
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEEV DIMITRY	P10	76	1	7		100	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN XUAN	P10	39	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN MINH HIEU	P10	73-74	2	12		67	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG DAI NGHIA-PVD	P10					78	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM QUANG NGU	P10	65	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
6	NG. DINH CUONG-PVD	P10	72	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NGAN	P10	40	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG DUNG	P10	67	1	5	60	75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TAN PHUOC	P10	66	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG TRUNG HIEU-PVD	P10	63	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN HOA	P10	68	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM XUAN HUY	P10	64	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN SON	P10	38	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
14	TANG TIEN TOAN	P10	81	1	10		80	DVL	Vietnamese
15	PHAM HONG QUY	P10	77	1	5		65	DVL	Vietnamese
16	DINH VAN DONG	P10	75	1	10		60	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TIET	P10	80	1	12		78	DVL	Vietnamese
18	NHAM DUC TUAN	P10	78-79	2	12		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

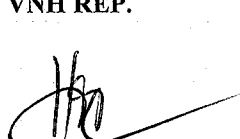
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	0	0	0	0	0	0+3		chuyen 03ax tu TD1 sang P10
2	P10	18	19	116	1.263	60	15		
3	P8	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		18	19	116	1.263	60	19		
WEIGHT KG				116	1.263	60			

GRAND TOAL: 1.439 KGS

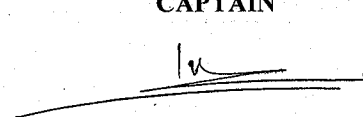
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: BK9 - CTK3 - MRM	CREW: Hôi - VLinH - Luy	ETA: 11:40

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC TUÂN	BK9	68	1	9	40	77	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN BA SON	BK9	59	1	15	10	65	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN HÒA	BK9	67	1	16		67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGÔ QUANG PHÚC	BK9	69-70	2	22		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC QUANG	BK9	66	1	16		64	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	BK9	61	1	13		90	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐIỀU VĂN THÔNG	BK9	62-63	2	21		65	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG ANH THÂN	BK9	64	1	20	11	75	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN BAN	BK9	71	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	71	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TOÀN	CTK3	58-59	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HAI	CTK3	57	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM DUY ĐỀN	CTK3	65-66	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	CTK3	67	1	14	10	68	XAYLAP	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN NGỌC	CTK3	70	1	17		53	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC HÙNG	CTK3	69	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG THẮNG LONG	CTK3	60	1	13	20	77	XAYLAP	Vietnamese
18	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	38	1	7	76	90	KHOAN	Vietnamese
19	DEREVIANKO NIKOLAI	MRM	39	1	15		90	KHOAN	Vietnamese
20	LE HUU NGHIA	MRM	37	1	10		73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	9	11	144	658	61	0		THAO 1 GHE DOI (2 CHO) DE CHAT HANG
2	CTK3	8	10	110	522	30	0		
3	MRM	3	3	32	253	76	20		
TOTAL		20	24	286	1.433	167	20		
WEIGHT KG				286	1.433	167			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:20
FLIGHT: 04	TO: TD2	CREW: HLONG - MMinh	ETA: 14:30
HONG - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HAI NGÂN	TD2	53	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRINH QUỐC VƯƠNG	TD2	50	1	8	60	78	KHOAN	Vietnamese
3	BUI QUANG TUYNH	TD2	61	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD2	51	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOÀN HIẾU	TD2	72-73	2	7		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CAO	TD2	62	1	15		68	CODIEN	Vietnamese
7	ĐẶNG QUANG LỘC	TD2	52	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN MINH TÙNG	TD2	58-59	2	12		72	CODIEN	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HAI	TD2	55	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
10	CAO XUÂN DŨNG	TD2	60	1	10		71	CODIEN	Vietnamese
11	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	TD2	56	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TÙNG	TD2	54	1	6	22	70	CODIEN	Vietnamese
13	ĐỖ XUÂN HẬU	TD2	57	1	7		58	GETRACO	Vietnamese
14	LÊ NGỌC NHẬT	TD2	63	1	10		70	GETRACO	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	66	1	12		84	DUNG QU.	Vietnamese
16	VÔ ĐĂNG TRƯỞNG	TD2	67-68	2	18		65	DUNG QU.	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	19	160	1.095	82	10		
TOTAL		16	19	160	1.095	82	10		
WEIGHT KG				160	1.095	82			

GRAND TOAL: 1.337 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN